



BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Tuần 4 tháng 5 (20-24/5/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính thế giới

- PMI cho thấy các nền kinh tế lớn đã có sự cải thiện đáng kể trong tháng 5/2024;
- Kinh tế Nhật Bản: Lạm phát giảm tốc nhanh hơn; Ngoại thương đã khởi sắc;
- Chủ tịch Fed J. Powell nhận định rằng quá trình kéo giảm lạm phát đã chậm lại đáng kể trong năm nay;
- Giá dầu thế giới giảm xuống thấp nhất trong vòng 3 tháng;
- Giá vàng thế giới có tuần giảm mạnh nhất kể từ 12/2023.

Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

- Báo cáo kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV: Đã hoàn thành định giá 3 ngân hàng được chuyển giao bắt buộc, sẽ trình duyệt và hoàn thành trong năm 2024;
- Tín dụng những tháng đầu năm tăng gần 2% so với cuối năm 2023, triển khai các chương trình tín dụng chính sách còn nhiều khó khăn;
- Quản lý thị trường vàng: Quyết định thanh tra doanh nghiệp kinh doanh vàng;
- Số doanh nghiệp thành lập mới tháng 5/2024 tăng đều;
- Tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đạt trên 271 tỷ USD;
- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn 1 tháng trở xuống
- Thị trường mở: trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở 2 kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày với khối lượng là 105.000 tỷ đồng, lãi suất đi ngang ở mức 4,25%
- Thị trường ngoại hối: tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng qua tất cả các phiên.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ TUẦN 4 THÁNG 5 (20-24/5/2024)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	12/06/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	06/06/2024
BOJ	Nhật Bản	0.10%	0.00 %	19/03/2024	14/06/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/04/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/06/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	20/06/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	11/07/2024
BI	Indonesia	6.25%	6.00%	24/04/2024	20/06/2024
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	11/07/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	12/06/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	07/06/2024

Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo tuần	+/_% theo tháng	+/_% Y/Y
EURUSD	1.08504	-0.09%	1.27%	1.36%
GBPUSD	1.27414	0.25%	1.45%	3.16%
AUDUSD	0.66358	-0.54%	1.15%	1.51%
USDJPY	156.813	0.27%	0.32%	11.67%
USDCNY	7.25513	0.13%	0.17%	2.40%
USDCAD	1.36640	0.30%	-0.03%	0.57%
USDRUB	89.5250	-1.57%	-2.62%	11.88%
USDKRW	1364.51	0.41%	-0.77%	3.06%
DXY	104.698	0.09%	-0.94%	0.43%
USDTHB	36.6210	1.33%	-1.08%	5.53%
USDSGD	1.34925	0.13%	-0.81%	-0.32%

Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
United States	4.4530	0.01%	-0.19%	0.68%
United Kingdom	4.2650	0.09%	-0.04%	0.02%
Japan	1.0110	0.03%	0.14%	0.58%
Australia	4.3230	0.09%	-0.19%	0.60%
Germany	2.5800	0.06%	-0.05%	0.09%
China	2.3250	0.02%	-0.01%	-0.41%
Singapore	3.3010	0.10%	-0.13%	0.26%
South Korea	3.4930	-0.01%	-0.21%	-0.15%
Taiwan	1.5850	-0.01%	-0.09%	0.41%
Thailand	2.8300	0.08%	0.06%	0.27%
Vietnam	3.0350	0.18%	0.13%	-0.20%
Hong Kong	3.8380	0.08%	-0.15%	0.27%
Indonesia	6.9490	0.19%	-0.13%	0.53%
Malaysia	3.9370	0.07%	-0.10%	0.05%
Philippines		0.39%	0.59%	0.56%

Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 tuần	+/_% 1 tháng	+/_% sv đầu năm	+/_% sv 1Y	+/_% sv 3 Y
Dow Jones	-1.85%	+2.17%	+3.66%	+18.06%	+13.15%
S&P 500	-0.06%	+4.01%	+11.21%	+26.14%	+26.18%
Nasdaq	+0.75%	+6.23%	+12.72%	+30.40%	+23.07%
DAX	-0.40%	+2.94%	+11.60%	+16.96%	+20.45%
FTSE 100	-1.27%	+2.18%	+7.56%	+9.05%	+18.44%
CAC 40	-1.23%	+0.08%	+7.32%	+10.60%	+24.84%
Euro Stoxx 50	-0.75%	+0.59%	+11.38%	+16.11%	+23.73%
Nikkei 225	-0.91%	+2.06%	+15.69%	+25.23%	+32.82%
Shanghai	-2.07%	+0.54%	+4.38%	-3.34%	-13.76%
Hang Seng	-4.89%	+5.81%	+9.55%	-0.38%	-35.88%
SET	-1.03%	+0.33%	-3.63%	-10.87%	-13.75%
KOSPI	-1.48%	+1.70%	+1.74%	+5.57%	-15.28%
IDX Com	-0.63%	+2.63%	-0.71%	+7.99%	+23.47%
PSEi	-0.94%	-0.13%	+2.63%	+1.37%	-0.82%

Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y	3.Khoáng sản	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
Crude Oil USD/Bbl	77.904	-1.90%	-5.95%	6.55%	Copper USD/Lbs	4.7776	-5.97%	2.13%	35.36%
Natural gas USD/MMBtu	2.4864	-9.62%	22.48%	6.16%	Steel CNY/T	3604.00	1.61%	0.95%	4.16%
Gasoline USD/Gal	2.4913	-2.12%	-9.57%	3.23%	Iron Ore USD/T	117.66	0.55%	7.28%	11.42%
2.Kim loại quý					Aluminum USD/T	2662.00	1.91%	3.84%	19.32%
Gold USD/t.oz	2338.74	-3.58%	0.27%	20.41%	Tin USD/T	33229	-2.98%	1.09%	35.04%
Silver USD/t.oz	30.575	-3.69%	13.01%	31.94%	Zinc USD/T	3057.00	0.86%	7.34%	34.55%
Lithium CNY/T	105500	0.00%	-4.52%	-64.54%	Nikel USD/T	20250	-3.94%	5.71%	-3.82%
Platinum SD/t.oz	1043.70	-1.45%	8.70%	1.86%	Coal USD/T	143.30	0.81%	5.56%	-10.44%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 25/5/2024

A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu Tình hình sản xuất kinh doanh toàn cầu tháng 5/2024

Chỉ số PMI cho thấy các nền kinh tế lớn đã có sự cải thiện đáng kể trong tháng 5/2024

	1.24	2.24	3.24	4.24	5.24
Hoa Kỳ	52	52.5	52.1	51.3	54.4
	50.7	52.2	51.9	50	50.9
	52.5	52.3	51.7	51.3	54.4
Khu vực EURO	47.9	49.2	50.3	51.7	52.3
	46.6	46.5	46.1	45.7	47.4
	48.4	50.2	51.5	53.3	53.3
Nhật Bản	51.5	50.6	51.7	52.3	52.4
	48	45.3	48.2	47.8	49.8
	53.1	52.9	54.1	54.3	53.6
Trung Quốc	50.3	50.9	52.7	51.7	
	49.2	49.1	50.8	50.4	
	50.7	51.4	53	51.2	

(Số liệu tháng 5/2024 là sơ bộ, số của Trung Quốc chưa được công bố)

Kinh tế Nhật Bản: Lạm phát giảm tốc nhanh hơn; Ngoại thương đã có dấu hiệu khởi sắc

Lạm phát giảm tốc nhanh hơn trong tháng 4/2024 khi giá lương thực tăng ít nhất trong vòng 19 tháng qua và giá nhiều mặt hàng khác giảm tốc. Lạm phát lõi cũng giảm so với tháng trước (2,2%/2,6% yoy) như dự báo của thị trường và xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm nay.

YoY: 2,5%/2,7%; MoM: 0,2%/0,2%

Ngoại thương đã có dấu hiệu khởi sắc: nhập khẩu trong tháng 4/2024 tăng mạnh nhất 14 tháng, trong khi xuất khẩu cũng tăng nhanh dù chưa như kỳ vọng.

Xuất khẩu: +8,3% y/y/7,3%/11,1%

Nhập khẩu: +8,3%/y/-5,1%

Thâm hụt thương mại tăng lên 462 tỷ JPY.

Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam tăng 14,5%, xuất khẩu sang Việt Nam tăng 16,8%.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 5/2024 các nền kinh tế lớn:

PMI tổng hợp sơ bộ tháng 5/2024 của Mỹ từ 51,3 điểm (tháng 4/2024) lên 54,4 điểm, vượt mức dự báo (51,1) đánh dấu sự cải thiện toàn diện trong điều kiện sản xuất, kinh doanh trong khu vực sản xuất, chế tạo khi cả sản lượng và việc làm đều gia tăng những đóng góp tích cực. Các nhà sản xuất cũng lạc quan hơn về triển vọng sản lượng tăng lên trong năm nay. Điều này cho thấy, kinh tế Mỹ đã có vẻ đã lại bắt đầu sau 2 tháng chậm lại.

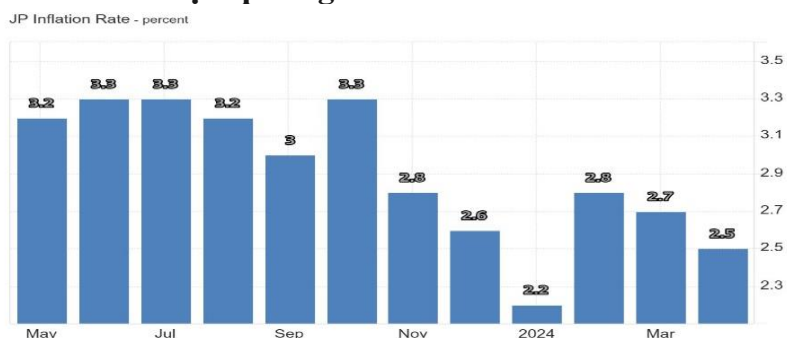
Cụ thể, chỉ số PMI sản xuất (50,9) cũng vượt mức dự báo (50) và PMI dịch vụ lên mức 54,8 cho thấy mức độ mở rộng mạnh nhất của khu vực dịch vụ trong vòng 1 năm qua.

PMI tổng hợp khu vực EURO cũng tăng nhanh từ mức 51,7 trong tháng 4/2024 lên 52,3 điểm – mức cao nhất trong vòng 1 năm qua, cho thấy sự hồi phục kinh tế ở khu vực EURO đã dần có đà ổn định khi có sự gia tăng nhanh về hoạt động kinh doanh, đơn hàng mới và việc làm trong khi niềm tin kinh doanh đang lên mức cao nhất 27 tháng.

PMI tổng hợp của nền kinh tế Nhật Bản nhích nhẹ từ 52,3 điểm trong tháng 4/2024 lên 52,4 – cũng là mức cao nhất kể từ tháng 8/2023, cho thấy khu vực kinh tế tư nhân ở Nhật tiếp tục tăng tốc hồi phục tháng thứ 3 liên tiếp, hứa hẹn sự ổn định tăng trưởng về cuối năm.

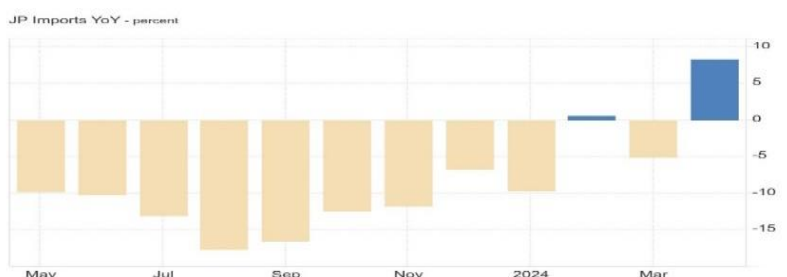
Nguồn: S&P Global

Lạm phát giảm tốc nhanh hơn



Source: tradingeconomics.com | Ministry of Internal Affairs & Communications

Nhập khẩu bất ngờ bắt đầu



Source: tradingeconomics.com | Ministry of Finance, Japan

Nguồn: Nikkei/Tradingeconomics

II. Thị trường tài chính thế giới Động thái chính sách các NHTW lớn

LÃI SUẤT (ĐIỂM CƠ BẢN)	XÁC SUẤT FED ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT TRONG CUỘC HỌP SẮP TỚI		
	HIỆN TẠI *	TUẦN TRƯỚC 10/05/2024	THÁNG TRƯỚC 19/04/2024
475-500	0.0%	0.0%	0.2%
500-525	0.0%	8.9%	10.8%
525-550 (mức hiện tại)	99.1%	91.1%	88.9%
550-575	0.9%	0.0%	0.0%

* Dữ liệu đến ngày 26/05/2024 của CME

Công cụ khảo sát xác suất biến động lãi suất của CME cho thấy xuất hiện xác suất nhỏ Fed tăng lãi suất trong kỳ họp tháng 6/2024.

III. Thị trường hàng hóa thế giới

Giá dầu thế giới có tuần giảm xuống thấp nhất trong vòng 3 tháng

Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần (24/05/2024), hợp đồng dầu WTI tăng 85 cent (tương đương 1,11%) lên 77,72 USD/thùng. Hợp đồng dầu Brent tăng 76 cent (tương đương 0,93%) lên 82,12 USD/thùng.

Dầu WTI đã chạm mức thấp nhất kể từ ngày 26/02/2024. Dầu Brent giảm còn 80,65 USD/thùng, mức thấp nhất kể từ ngày 08/02/2024.

2 hợp đồng dầu cả tuần lần lượt giảm 2,9% và 2,2%.

Giá dầu sụt giảm trong tuần này do lo ngại rằng dữ liệu kinh tế mạnh mẽ của Mỹ sẽ khiến lãi suất cao trong thời gian lâu hơn, hạn chế nhu cầu nhiên liệu trên toàn cầu.

Biên bản cuộc họp chính sách tháng 5/2024 của Ủy ban Thị trường Mở Liên bang cho thấy Fed không ghi nhận nhiều tiến triển trên mặt trận chống lạm phát trong những tháng gần đây. Biên bản cũng cho thấy “nhiều thành viên” đã thảo luận về việc sẵn sàng nâng lãi suất nếu lạm phát không tiếp tục hướng đến mục tiêu 2%.

Một số thành viên thuộc Fed lo ngại rủi ro lạm phát tăng trở lại. Chủ tịch Fed J. Powell nhận định rằng quá trình kéo giảm lạm phát đã chậm lại đáng kể trong năm nay và khiến Fed phải suy nghĩ lại về hướng đi của chính sách tiền tệ.

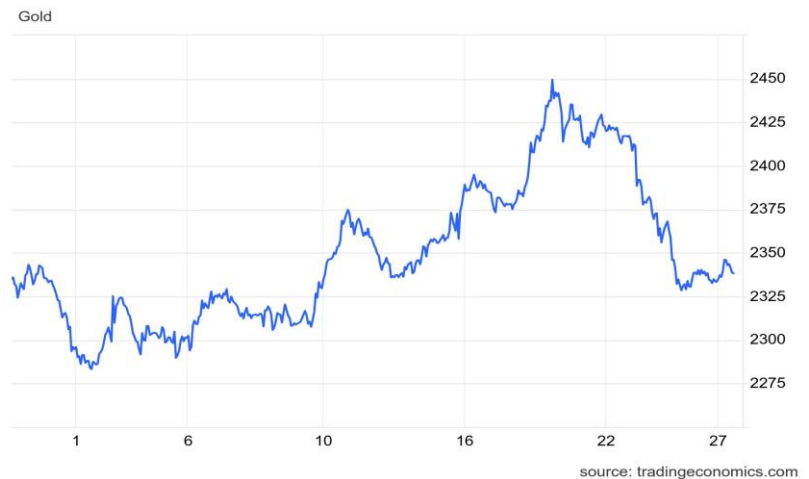
CEO của Goldman Sachs dự báo Fed sẽ không giảm lãi suất trong năm nay vì nền kinh tế Mỹ dường như vững vàng hơn nhờ các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng trí tuệ nhân tạo (AI) góp phần giúp nền kinh tế vững chắc hơn trong bối cảnh chính sách tiền tệ thắt chặt.

Nguồn: Fed/CME

Giá vàng thế giới có tuần giảm mạnh nhất kể từ 12/2023

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần (24/05/2024), hợp đồng vàng giao ngay tăng 0,2% lên 2.332,77 USD/oz, khi chỉ số DXY giảm 0,4%, khiến vàng trở nên kém giá hơn so với việc nắm giữ một số ngoại tệ mạnh.

Hợp đồng vàng tương lai giảm 0,1% còn 2.334,50 USD/oz. Vàng đã đạt mức cao kỷ lục 2.449,89 USD/oz vào ngày 20/05/2024, nhưng sau đó đã giảm mạnh hơn 100 USD kể từ đó và mất 3% trong tuần này, ghi nhận tuần giảm mạnh nhất kể từ đầu tháng 12/2023.



*Giá vàng thế giới tuần qua
Nguồn: KITCO/OPEC*

B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

I. THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Báo cáo tình hình kinh tế xã hội, tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV

GDP quý I đạt 5,66%, cao nhất giai đoạn ba năm. Quy mô nền kinh tế đạt 430 tỷ USD, bước vào nhóm các nước trung bình cao.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,93% so với cùng kỳ. FDI thực hiện đạt 6,28 tỷ USD, tăng 7,4%, cao nhất trong 5 năm.

Đã hoàn thành định giá 3 ngân hàng được chuyển giao bắt buộc, sẽ trình duyệt và hoàn thành trong năm 2024.

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phát biểu, giải trình trước Quốc hội

Tín dụng những tháng đầu năm chậm lại do một loạt nguyên nhân:

- *Cầu tín dụng yếu, khó khăn trong triển khai các chương trình chính sách. Cụ thể, cầu và sức hấp thụ vốn của nền kinh tế đang gặp khó khăn, nhiều khách hàng vay chưa đáp ứng đủ điều kiện vay vốn;*
- *Dầu tư, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng giảm, dẫn tới cầu tín dụng của người dân, doanh nghiệp giảm tương ứng.*

Tăng trưởng tín dụng: tăng gần 2% so với cuối năm 2023, triển khai các chương trình tín dụng chính sách còn nhiều khó khăn

Đến ngày 10/5/2024, tín dụng tăng 1,95% so với cuối năm 2023, tức dư nợ tín dụng đã tăng thêm hơn 264.400 tỷ đồng.

Mặc dù thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) dồi dào và còn rất nhiều dư địa tăng trưởng tín dụng để các TCTD thuận lợi cung ứng vốn ra nền kinh tế nhưng tín dụng vẫn gặp khó khăn.

Về cơ cấu ngân hàng, Chính phủ đã hoàn thành định giá 3 ngân hàng được chuyển giao bắt buộc và dự kiến trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc trong tháng 5/2024, và sẽ hoàn thành trong năm nay.

Trong 4 ngân hàng yếu kém thuộc diện tái cơ cấu đang được Ngân hàng Nhà nước kiểm soát đặc biệt, ngoại trừ Ngân hàng Đông Á, 3 ngân hàng Xây dựng (CB), Đại Dương (Oceanbank), Dầu khí toàn cầu (GPBank) sẽ được chuyển giao cho ngân hàng khác theo hình thức mua bắt buộc.

Ngoài ra, Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã triển khai cơ cấu lại với mức lỗ lũy kế tính đến cuối tháng 4/2024 đã giảm 20%; nợ xấu hạ 37,7% (tương đương 15.000 tỷ).

Nguồn: chinhphu.vn

Trong 2 tháng đầu năm tín dụng toàn hệ thống vẫn giảm so với cuối năm 2023.

Cụ thể, đến hết 31/01/2024, dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đạt 13.479.677 tỷ đồng, giảm 0,6% so với cuối năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,10%).

Đến hết tháng 2 (29/2/2024), dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đạt 13.472.474 tỷ đồng, giảm 0,72% so với cuối năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,87%).

Đến cuối tháng 3/2024, tín dụng mới trở lại tăng trưởng 1,34%.

Nhưng từ 29/3 đến 10/5 (42 ngày), tín dụng chỉ tăng thêm 0,61%, tương đương 82.700 tỷ đồng, chậm lại đáng kể so với kết quả của tháng 3/2024.

Đến ngày 10/5/2024, tín dụng tăng 1,95% so với cuối năm 2023, tương đương dư nợ tín dụng đã tăng thêm hơn 264.400 tỷ đồng so với cuối năm ngoái.

Trong đó, bên cạnh một loạt nguyên nhân như cầu tín dụng yếu, còn có khó khăn trong triển khai các chương trình chính sách.

Chương trình 120.000 tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư: các quy định pháp luật liên quan đến dự án nhà ở xã hội (quỹ đất, trình tự, thủ tục mua bán, định giá...) còn nhiều vướng mắc; số lượng dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư rất ít; một số điều kiện đối với người mua nhà không còn phù hợp;

Các gói cho vay tiêu dùng thì gặp khó khăn khi thu nhập của người lao động giảm, không ổn định trong bối cảnh thất nghiệp, mất việc làm tăng cao nên không có nguồn để trả nợ dẫn đến cầu tín dụng tiêu dùng giảm... Bản thân người lao động chưa nắm bắt rõ thông tin trong khi các doanh nghiệp, công đoàn cơ sở chưa thật sự chú trọng truyền thông, phổ biến về gói vay này.

Với một số chương trình tín dụng ưu đãi khác, nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là hạn chế và trong giai đoạn 2021

- 2025, ngân sách nhà nước không bố trí kế hoạch vốn đầu tư công để cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng.

Nguồn: theo thông tin từ Báo cáo NHNN gửi kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV

Quản lý thị trường vàng:

Công bố quyết định thanh tra doanh nghiệp KD vàng

Ngày 23/5/2024, NHNN đã công bố Quyết định số 324/QĐ-TTGSNH2 ngày 17/5/2024 thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động kinh doanh vàng.

Đoàn thanh tra sẽ gồm đại diện từ Thanh tra Chính phủ, Bộ Công An, Bộ Tài chính, Bộ Công thương.

Thời gian thanh tra 45 ngày.

Đối tượng thanh tra bao gồm 2 ngân hàng và 4 doanh nghiệp: NHTMCP Tiên Phong, NHTMCP XNK Việt Nam, Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), CTCP Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji, CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận, Công ty TNHH Bảo Tín Minh Châu.

Trước đó, Thủ tướng yêu cầu việc thanh tra thị trường vàng phải hoàn thành trong tháng 5/2024.

Số doanh nghiệp thành lập mới tháng 5/2024 tăng đều

Số doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 5/2024 vẫn tăng đều, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với 2 tháng trước, số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể lại cao hơn so với 2 tháng trước.

Tổng trị giá xuất nhập khẩu của cả nước đạt trên 271 tỷ USD

Thông tin về các phiên đấu thầu vàng miếng:

Trong vòng một tháng vừa qua, Ngân hàng Nhà nước đã tổ chức 9 phiên gọi thầu, có 6 phiên thành công.

Tổng cộng, có 48.500 lượng vàng miếng SJC được cung ra trên thị trường.

Phiên gần nhất ngày 23/5/2024, có 11 thành viên trúng thầu với tổng khối lượng trúng thầu là 13.400 lượng vàng (134 lô). Giá trúng thầu cao nhất là 88,73 triệu đồng/lượng, giá trúng thầu thấp nhất là 88,72 triệu đồng/lượng. Đây là phiên thứ hai có số lượng thành viên trúng thầu cao nhất, nhưng là phiên đầu tiên có khối lượng vàng trúng thầu cao nhất, vượt qua kỷ lục 12.300 lượng của phiên 16/5/2024.

NHNN đã nói lỏng điều kiện về quy mô tối thiểu và tối đa khối lượng đặt thầu, tạo điều kiện tăng số thành viên tham gia và quy mô vàng cung ra thị trường.

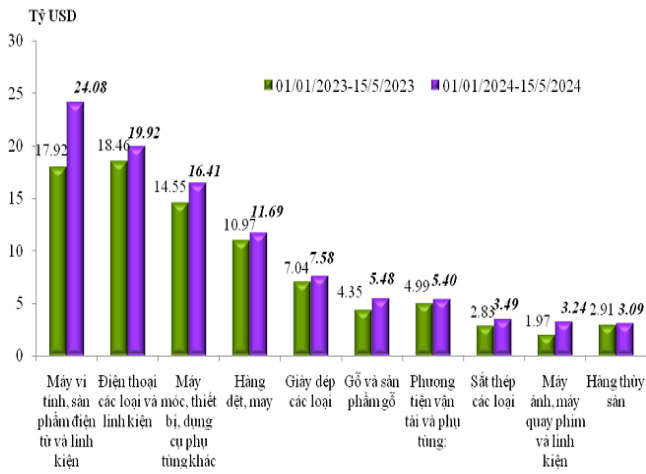
Nguồn: NHNN

Tháng	Thành lập mới			Số DN hoàn tất thủ tục giải thể (DN)	Số DN tạm ngừng hoạt động (DN)	Số DN quay trở lại hoạt động (DN)
	Số DN thành lập mới (DN)	Số vốn đăng ký (tỷ đồng)	Số lao động đăng ký (lao động)			
5	13.207	93.224	72.579	1.538	5.303	6.749
4	15.307	175.822	95.052	1.344	7.618	8.307
3	14.116	113.462	104.423	1.412	4.139	3.020

Nguồn: Bộ KHĐT

Đến 15/5/2024, tổng giá trị xuất nhập khẩu cả nước đạt gần 271 tỷ USD, tăng 16,8%, tương ứng tăng 38,87 tỷ USD về số tuyệt đối so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu đạt 138,59 tỷ USD, tăng 16,1% tương ứng tăng 19,17 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2023. Tổng trị giá nhập khẩu đạt 132,23 tỷ USD, tăng 17,5% (tương ứng tăng 19,7 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2023.



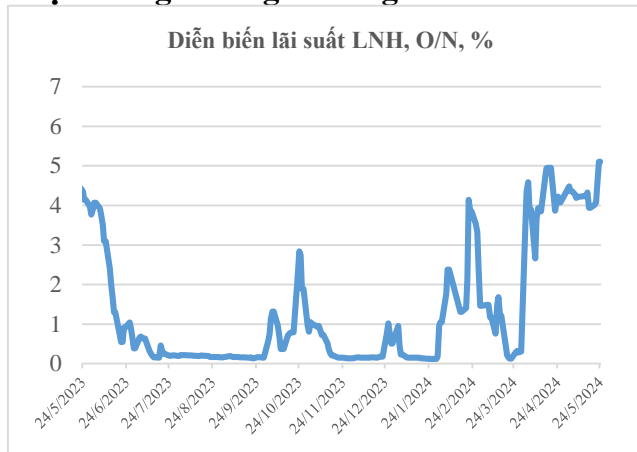
Lũy kế từ đầu năm đến hết ngày 15/5/2024, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 6,36 tỷ USD.

Nguồn: TCHQ

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

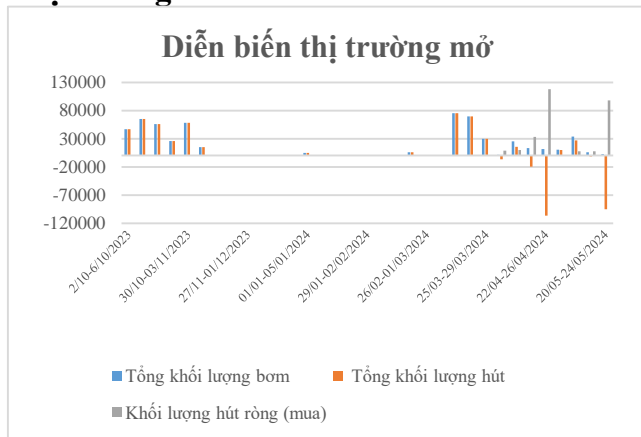
Thị trường liên ngân hàng



*Trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, lãi suất VND liên ngân hàng tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn 1 tháng trở xuống qua hầu hết các phiên.

Chốt ngày 24/5/2024, lãi suất qua đêm chạm mốc 5,15% (tăng 1,20 điểm %); 1 tuần 5,28% (tăng 1,06 điểm%); 2 tuần 5,35% (tăng 0,95 điểm %); 1 tháng 5,45% (tăng 0,80 điểm %).

Thị trường mở



* Trên thị trường mở tuần qua (20-24/5/2024), trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở 2 kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày với khối lượng là 105.000 tỷ đồng, lãi suất đi ngang ở mức 4,25% ở các phiên đầu tuần, sau đó tăng lên mức 4,5% vào các phiên cuối tuần. Có trên 97.971 tỷ đồng trúng thầu và 7.506 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

* Thực hiện đấu thầu lãi suất, NHNN chào thầu tín phiếu kỳ hạn 28 ngày, lãi suất tăng dần từ 3,85% đầu tuần lên 4,2% phiên cuối tuần, có tổng 2.700 tỷ đồng trúng thầu. Có 11.400 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

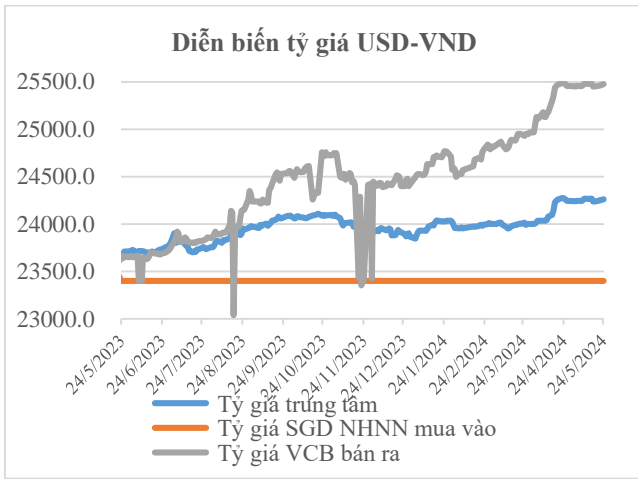
Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

Thị trường ngoại hối

Trên thị trường ngoại hối tuần qua, chỉ số DXY dao động quanh mức 104,62 điểm.

Trong nước, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng qua tất cả các phiên.

*Chốt ngày cuối tuần (24/5/2024), tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.264 VND/USD, tăng 25 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.



*Tỷ giá mua – bán tại Sở giao dịch NHNN tiếp tục được niêm yết ở mức 23.400 VND/USD - 25.450 VND/USD ở tất cả các phiên.

*Tỷ giá USD liên ngân hàng trong tuần từ 20-24/5/2024 tăng theo sát tỷ giá trần của NHNN. Chốt phiên 24/5/2024, tỷ giá USD liên ngân hàng dừng ở mức 25.477 VND/USD, bằng tỷ giá trần, tăng 27 đồng so với cuối tuần trước đó.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

C. VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

* VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
VPCP	Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025	22/05/2024		Chinhphu.vn

* VĂN BẢN DỰ THẢO XIN Ý KIẾN

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
	Dự thảo Thông tư Quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	(22/05/2024)	Sbv.gov.vn
NHNN	Dự thảo Thông tư Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của TCTD là HTX.	(20/05/2024)	Sbv.gov.vn
	Dự thảo Quy định về cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và một số quy định về tổ chức, hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	(20/05/2024)	Sbv.gov.vn

HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM